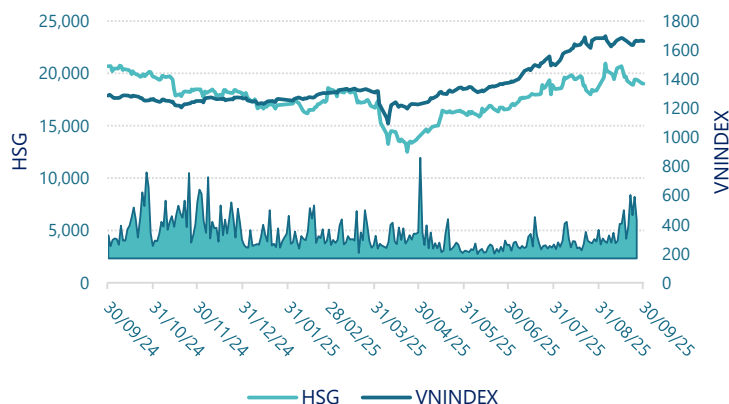


CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSX: HSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
SL cổ phiếu LH	620,982,309
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,813,470
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,799
P/E	16.1
EPS	1,178

DT thuần

Q3/25

8,357

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,152 | -12.1%

YoY: ▼1,752 | -17.3%

LN sau thuế

Q3/25

84.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼189 | -69.1%

YoY: ▲ 266 | 147%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.9%

+/- YoY: ▲ 3.1%

DT thuần

9T 2025

26,316

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,883 | -12.9%

LN sau thuế

9T 2025

566

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 155 | 37.6%

ROE

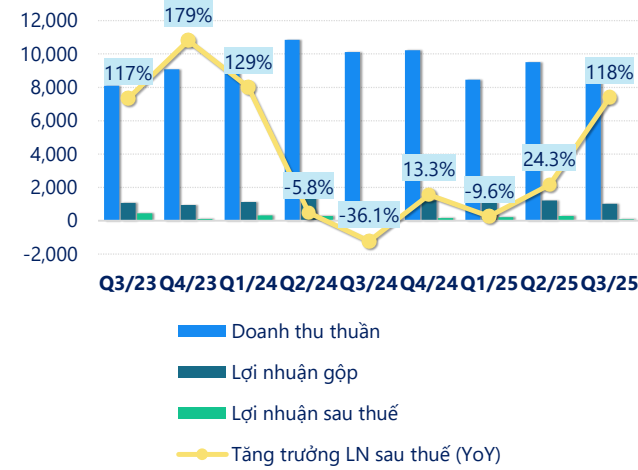
Q3/25

6.6%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

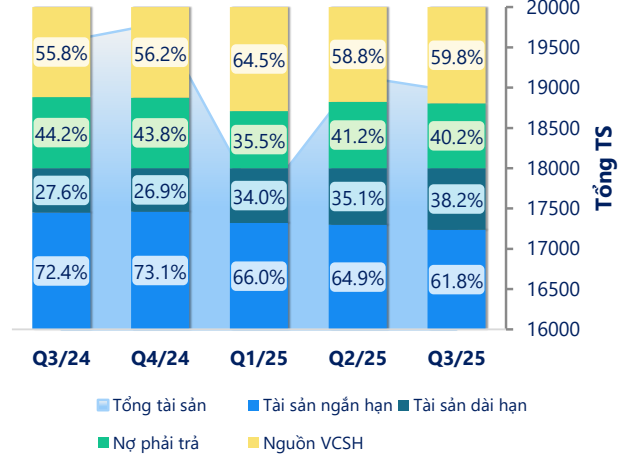
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

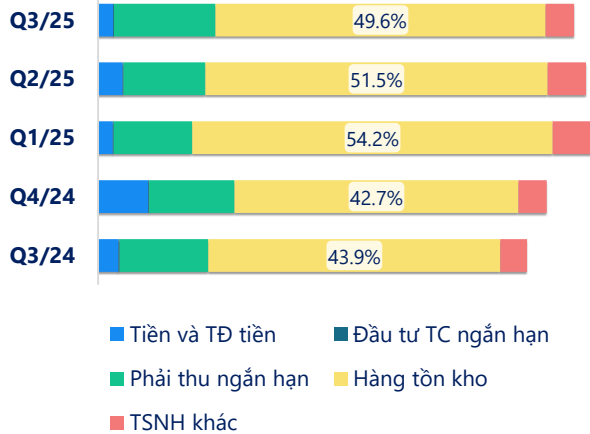
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



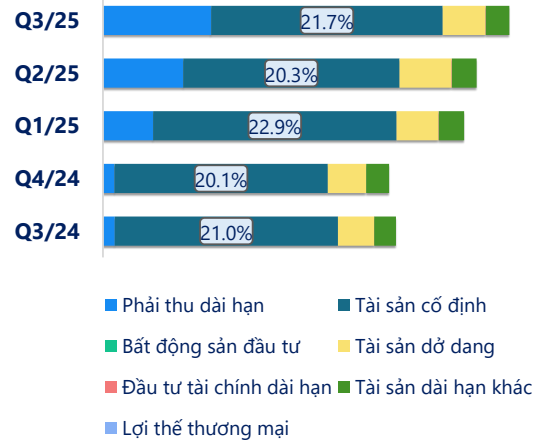
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

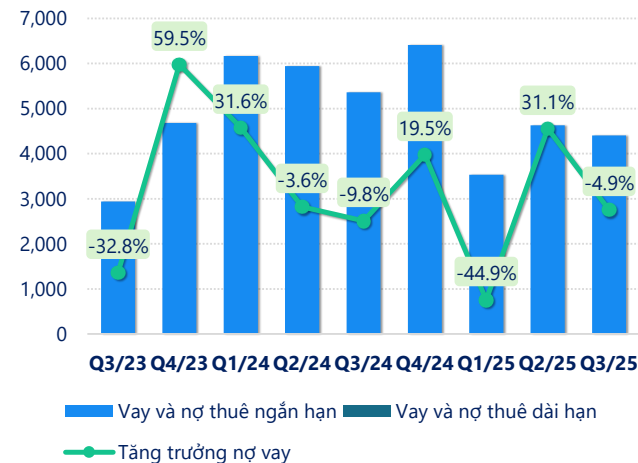
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

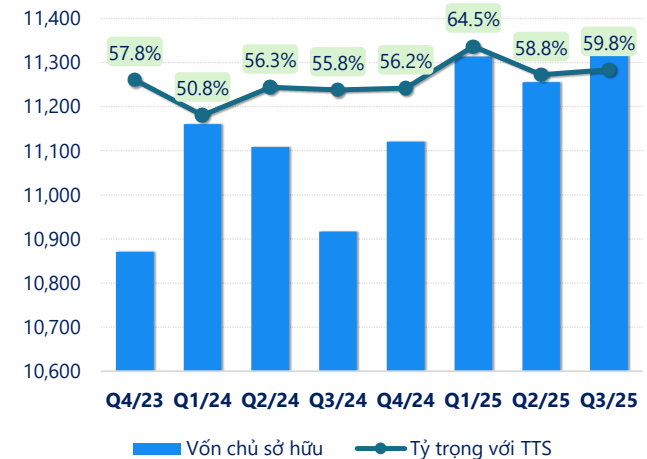
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

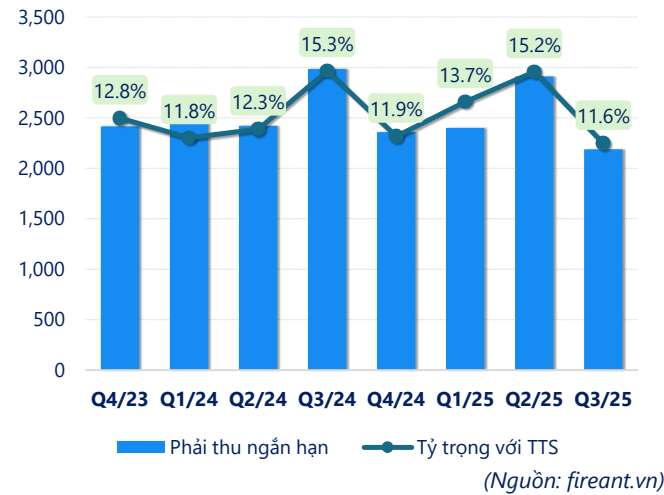
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

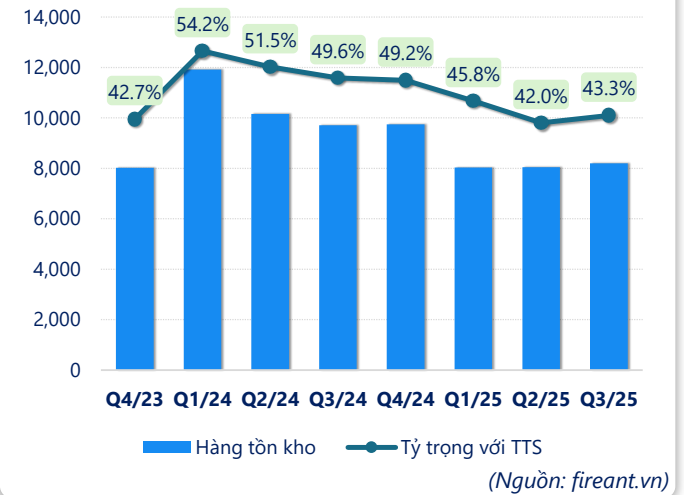


(Nguồn: fireant.vn)

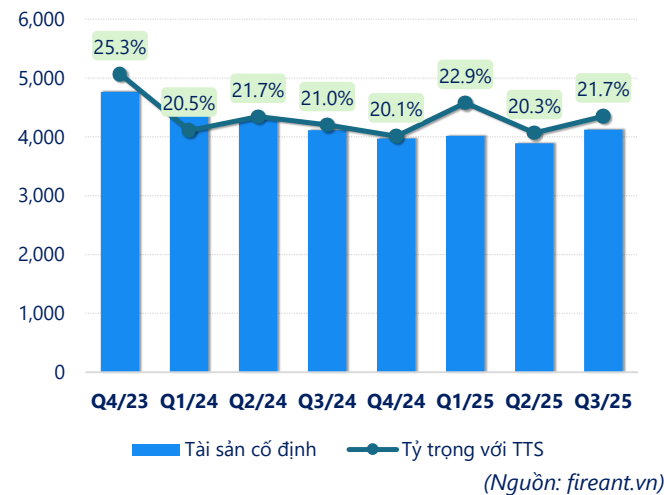
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


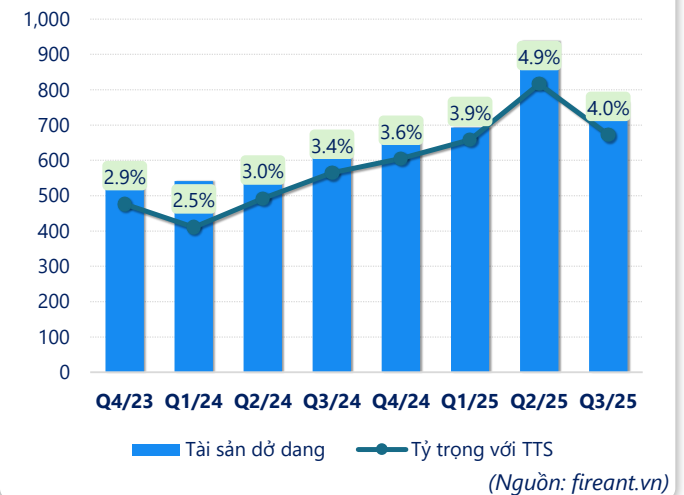
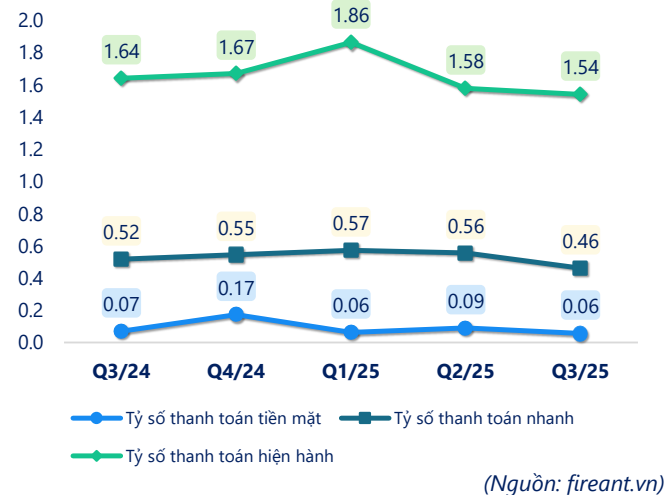
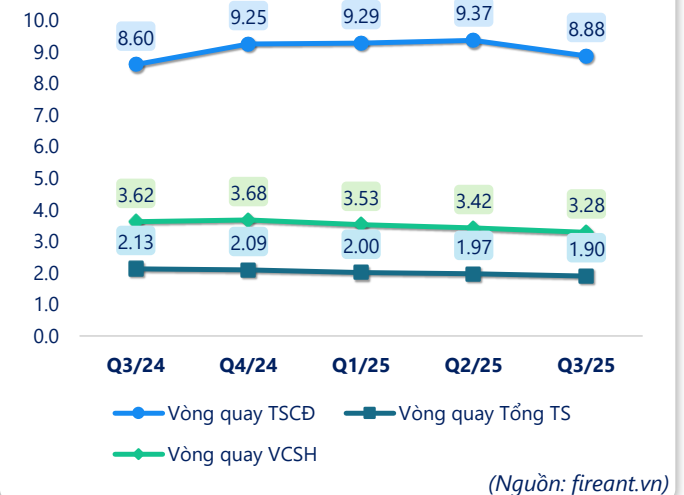
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	19,566	19,800	17,548	19,140	18,950
Tài sản ngắn hạn	14,174	14,472	11,589	12,417	11,706
Tiền và tương đương tiền	602	1,497	391	706	428
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.6	31.3	57.0	77.2	81.2
Phải thu ngắn hạn	2,985	2,360	2,401	2,911	2,189
Hàng tồn kho	9,712	9,749	8,029	8,042	8,199
Tài sản ngắn hạn khác	844	835	711	680	809
Tài sản dài hạn	5,391	5,328	5,959	6,723	7,244
Phải thu dài hạn	215	213	826	1,444	1,930
Tài sản cố định	4,111	3,971	4,018	3,892	4,121
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	664	719	693	938	765
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	7.00	7.40	7.40
Tài sản dài hạn khác	401	425	415	443	420
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	8,649	8,680	6,235	7,884	7,614
Nợ ngắn hạn	8,632	8,664	6,218	7,867	7,598
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,364	6,410	3,532	4,630	4,404
Phải trả người bán ngắn hạn	2,328	1,368	1,743	1,970	2,050
Nợ dài hạn	16.3	16.3	16.9	16.9	16.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,917	11,120	11,313	11,256	11,335
Vốn chủ sở hữu	10,917	11,120	11,313	11,256	11,335
Vốn điều lệ	6,160	6,210	6,210	6,210	6,210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)